

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH KẾ TOÁN

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7340301

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals).....	4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học.....	10
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	11
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	12
1.9. Các phương pháp đánh giá	17
1.10.Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)	22
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	51
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy	51
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy	51
2.3. Danh sách học phần.....	55
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	61
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra.....	67
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	72
2.7. Tiến trình giảng dạy	78
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần	79
2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo	93
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	99

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán trình độ đại học trường Đại học Lao động - Xã hội, mã ngành 7340301 đào tạo theo hệ thống tín chỉ. CTĐT được hoàn thiện theo Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo ngành Kế toán nhằm đào tạo Cử nhân Kế toán, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có đủ kiến thức nền tảng và chuyên sâu, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong nghề nghiệp, có trình độ ngoại ngữ để có thể giữ các vị trí chuyên môn tại các tổ chức, đơn vị sau khi ra trường.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Kế toán

Tên chương trình đào tạo	Kế toán (Accounting)
Mã ngành đào tạo	7340301
Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Kế toán
Trường cấp bằng	Trường Đại học Lao động - Xã hội
Khoa quản lý	Kế toán
Số tín chỉ yêu cầu	121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh không tích lũy
Website	www.uls.edu.vn
Fanpage	www.Facebook.com/Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động – Xã hội/
Ban hành	Quyết định số 2261/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 17 tháng 8 năm 2020

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Kế toán

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Kế toán
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn	Khoa Kế toán có sứ mạng đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Kế toán
	nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội và đất nước.
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa Kế toán là một trong những khoa hàng đầu của Trường Đại học Lao động - Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng. Đến năm 2030, Khoa Kế toán phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng uy tín và tốt nhất Việt Nam.
Giá trị cốt lõi	• Chuyên nghiệp. • Sáng tạo • Hội nhập	Chuyên nghiệp: Nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên nghiệp. Sáng tạo: Phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh Hội nhập: Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học – công nghệ mới

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)

1.4.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân ngành kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội; nắm vững kiến

thức nền tảng và chuyên sâu về kế toán; có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính; có khả năng tham gia vào quá trình ra quyết định quản trị doanh nghiệp, có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, pháp luật và quốc phòng – an ninh;

PO2: Đào tạo người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực kế toán, có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính.

PO3: Đào tạo người học có năng lực ứng dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán;

PO4: Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng kế toán, kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế;

PO5: Có năng lực học tập, nghiên cứu, tự học, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi;

PO6: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực hành nghề nghiệp và giải quyết các phát sinh liên quan đến chuyên môn đào tạo.

PO7: Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, luôn tự tin khi tiếp cận với tri thức mới để điều chỉnh cách thức làm việc sao cho phù hợp với môi trường làm việc thực tế của nghề nghiệp, sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ cho nhu cầu của công việc kế toán.

PO8: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu của nghề và đầy đủ sức khỏe để làm việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, đánh giá và cải tiến các hoạt động thuộc chuyên môn, có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể.

PO9: Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ và chính sách pháp luật của nhà nước.

PLO2: Nhận biết, giải thích, vận dụng các kiến thức về hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và điều hành để xây dựng bộ máy kế toán và hệ thống quy

trình, quy định đáp ứng nhu cầu của nhà quản trị trong việc kiểm tra, giám sát và cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định; có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin và ứng dụng vào công việc kế toán.

PLO3: Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán trong các đơn vị kế toán tại các tổ chức (các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, công ty tài chính, công ty dịch vụ kế toán và thuế); có khả năng vận dụng và đưa vào thực tế nhằm thực hiện tốt các yêu cầu về kế toán, phân tích tình hình tài chính thông qua hệ thống báo cáo tài chính.

PLO4: Phân tích và xử lý một cách độc lập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để quản trị thông tin các phân hệ kế toán liên quan và lập các báo cáo về thuế, kế toán tài chính và kế toán quản trị theo quy định về Kế toán Việt Nam và quốc tế.

Kỹ năng:

PLO5: Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt và có khả năng thích nghi cao trong điều kiện môi trường làm việc không xác định cụ thể hoặc thay đổi.

PLO6: Có kỹ năng làm việc đội nhóm hiệu quả, kỹ năng viết và giao tiếp bằng lời, thuyết trình mạch lạc, thể hiện ý tưởng vấn đề cần giải quyết, kỹ năng phát hiện và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.

PLO7: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn kế toán đã đào tạo, có sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc, có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường công việc khác nhau, có ý thức tuân thủ luật pháp và quy định chung của tổ chức.

PLO8: Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, biết đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, biết lập kế hoạch và điều phối thực hiện kế hoạch, biết phát huy trí tuệ tập thể.

PLO9: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.

PLO10: Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

PLO11: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương.

Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu cụ thể (POs)								
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9

(PLOs)									
CDR1 (PLO1)	x				x	x	x	x	
CDR2 (PLO2)		x	x	x	x		x		
CDR3 (PLO3)			x	x		x	x	x	x
CDR4 (PLO4)			x	x	x	x	x		x
CDR5 (PLO5)	x	x	x	x	x		x		
CDR6 (PLO6)	x			x	x	x	x	x	
CDR7 (PLO7)	x		x	x	x		x	x	x
CDR8 (PLO8)			x	x		x	x		x
CDR9 (PLO9)	x				x	x		x	x
CDR10 (PLO10)					x	x		x	x
CDR11 (PLO11)	x	x	x	x				x	x

**Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Kế toán đáp ứng
Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực**

Chuẩn đầu ra		Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
CDR1 (PLO1)	Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ và chính sách pháp luật của nhà nước.	K2	4
CDR2 (PLO2)	Nhận biết, giải thích, vận dụng các kiến thức về hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và điều hành để xây dựng bộ máy kế toán và hệ thống quy trình, quy định đáp ứng nhu cầu của nhà quản trị trong việc kiểm tra, giám sát và cung cấp thông tin kế toán phục	K1, K3	4

	vụ cho việc ra quyết định; có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin và ứng dụng vào công việc kế toán.		
CDR3 (PLO3)	Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán trong các đơn vị kế toán tại các tổ chức (các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, công ty tài chính, công ty dịch vụ kế toán và thuế); có khả năng vận dụng và đưa vào thực tế nhằm thực hiện tốt các yêu cầu về kế toán, phân tích tình hình tài chính thông qua hệ thống báo cáo tài chính.	K4, K5	5
CDR4 (PLO4)	Phân tích và xử lý một cách độc lập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để quản trị thông tin các phân hệ kế toán liên quan và lập các báo cáo về thuế, kế toán tài chính và kế toán quản trị theo quy định về Kế toán Việt Nam và quốc tế.	K3, K5, S6	4
CDR5 (PLO5)	Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt và có khả năng thích nghi cao trong điều kiện môi trường làm việc không xác định cụ thể hoặc thay đổi.	S1, S3	4
CDR6 (PLO6)	Có kỹ năng làm việc đội nhóm hiệu quả, kỹ năng viết và giao tiếp bằng lời, thuyết trình mạch lạc, thể hiện ý tưởng vấn đề cần giải quyết, kỹ năng phát hiện và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.	S2, S5	4
CDR7 (PLO7)	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn kế toán đã đào tạo, có sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc, có khả năng tự định hướng và thích nghi với	S2, S4	4

	môi trường công việc khác nhau, có ý thức tuân thủ luật pháp và quy định chung của tổ chức.		
CDR8 (PLO8)	Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, biết đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, biết lập kế hoạch và điều phối thực hiện kế hoạch, biết phát huy trí tuệ tập thể.	S5	5
CDR9 (PLO9)	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.	C1	4
CDR10 (PLO10)	Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.	C3, C4	4
CDR11 (PLO11)	Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương.	S6	4

Danh mục các chuẩn đối sánh:

(1) TĐNL - Trình độ năng lực chung:

Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung

Thang TĐNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho các hoạt động	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành / triển khai	Khả năng Áp dụng / Phân tích

5.0	Có thể dẫn dắt sáng tạo trong giải quyết vấn đề	Khả năng Tổng hợp/ Đánh giá vấn đề
-----	---	------------------------------------

(2) Khung TDQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 6

Kiến thức (K):

K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng (S):

S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

1.6.1. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Kế toán có thể trở thành:

- Chuyên viên kế toán, kiểm toán, tài chính, cán bộ tín dụng làm việc tại các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty khoán khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các cơ

quan quản lý nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và trong các các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp;

- Chuyên viên tư vấn kế toán, thuế trong các công ty tư vấn thuế và tư vấn tài chính, đảm nhận công việc trợ lý phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính;

- Đảm nhận các vị trí cấp cao như quản lý bộ phận kế toán, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, giám đốc tài chính, trưởng nhóm, giám đốc kiểm toán;

- Tự khởi nghiệp thành lập các công ty cung cấp dịch vụ tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, tư vấn...

1.6.2. Cơ hội học tập

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Kế toán có thể:

- Có nhiều cơ hội thuận lợi khi học chứng chỉ CPA, ACCA, CET, CIMA, ACA, CFA...để hành nghề kế toán, kiểm toán, làm về lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

- Có cơ hội học chuyên tiếp lên trình độ thạc sỹ, tiến sỹ ngành kế toán, kiểm toán, tài chính ngân hàng tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.7.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, tuy nhiên sinh viên có thể rút ngắn thời gian học còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian tối đa là 8 năm (trừ những trường hợp đặc biệt được quy định khác). Mỗi năm có 2 học kỳ chính và 1 học kỳ phụ.

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình trị học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;

- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo

dục thể chất;

- Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.7.4. Hệ thống tính điểm

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Kế toán nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và

mức tự chủ, chịu trách nhiệm. Chiến lược giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Chiến lược giảng dạy và học tập gồm 08 nhóm lớn: dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy, dạy học dựa vào công nghệ và tự học.

1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit leaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- **Thuyết giảng** (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận** (Guest Lecture): Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gợi mở** (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

1.8.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; Thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi (Game):** Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động tham quan, đi thực tế tại công ty, doanh nghiệp... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.
- **Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học cùng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

1.8.3. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề; Học theo tính hướng. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình tìm kiếm giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính hướng, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

1.8.4. Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.8.5. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành *Kế toán* sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường ĐH Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhật hỗ trợ hữu ích cho người học.
- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

1.8.6. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành *Kế toán trong bối cảnh của CMCN 4.0*.

1.8.7. Chiến lược tự học

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn

chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng chủ yếu là Bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Dạy học trực tiếp											
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x	x		x		x	x
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II	Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm											
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x	x		x						
TLM6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x	x	x		x	x	x		x	
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
III	Dạy kỹ năng tư duy											
TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
IV	Dạy học tương tác											

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
V	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy											
TLM11	Nghiên cứu độc lập		x	x	x	x	x	x	x		x	
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)		x	x	x	x	x	x	x			
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)							x	x			
VI	Dạy học dựa vào công nghệ											
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
VII	Tự học											
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

1.9. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Kế toán được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiên bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được ULSA, Khoa áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attendance check), đánh giá bài tập (work assignment), làm việc nhóm (teamwork), thuyết trình (oral presentation).

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành, đồ án, thực tập,...).

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1.9.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng trong loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết (Written Exam):**

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):**

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):**

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phong vấn, hỏi đáp trực tiếp.

- **Viết báo cáo (Written Report):**

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo.

- **Thuyết trình (Oral Presentation):**

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment):**

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lý, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành (practice):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (graduation report, Thesis):**

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Đánh giá theo tiến trình (On-going, Formative Assessment)											
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
11	Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)											
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
AM7	Viết báo cáo (Written Report)		x	x	x	x	x	x	x			
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
AM10	Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)	x	x	x	x	x	x	x	x			

1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Bảng 1.10. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

CHUẨN ĐẦU RA PLOs	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
PLO1: Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ và chính sách pháp luật của nhà nước.	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghị vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4

TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4

TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM9
BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
BORI1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5

	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM6, TLM9, TLM10	AM1, AM9
PLO2: Nhận biết, giải thích, vận dụng các kiến thức về hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và điều hành để xây dựng bộ máy kế toán và hệ thống quy trình, quy định đáp ứng nhu cầu của nhà quản trị trong việc kiểm tra, giám sát và cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định; có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin và ứng dụng vào công việc kế toán.	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghị vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6

TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
PLDC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7

	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
PLO3: Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán trong các đơn vị kế toán tại các tổ chức (các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, công ty tài chính, công ty dịch vụ kế toán và thuế); có khả năng vận dụng và đưa vào thực tế nhằm thực hiện tốt các yêu cầu về kế toán, phân tích tình hình tài chính thông qua hệ thống báo cáo tài chính.	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

		chính		
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
PLO4: Phân tích và xử lý một cách độc lập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để quản trị thông tin các phân hệ kế toán liên quan và lập các báo cáo về thuế, kế toán tài chính, kế toán quản trị theo quy định về kế toán Việt Nam và quốc tế	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
PLO5: Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt và có khả năng thích nghi cao trong điều kiện môi trường làm việc không xác định cụ thể hoặc thay đổi.	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghị vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5,

			TLM10, TLM15	AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10,	AM1, AM2, AM4, AM7

		học	TLM15	
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
	TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BORI1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7,	AM1, AM2, AM9

			TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM5
PLO6: Có kỹ năng làm việc đội nhóm hiệu quả, kỹ năng viết và giao tiếp bằng lời, thuyết trình mạch lạc, thể hiện ý tưởng vấn đề cần giải quyết, kỹ năng phát hiện và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM6, TLM9, TLM10	AM1, AM9
	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

	hành chính sự nghiệp		
KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9

TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7

		TLM10, TLM15	
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM9
BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
BORI1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM9

			TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM6, TLM9, TLM10	AM1, AM9
PLO7: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn kế toán đã đào tạo, có sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc, có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường công	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TKDN1323H	Thông kê doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9

việc khác nhau, có ý thức tuân thủ luật pháp và quy định chung của tổ chức.	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

		thương mại, dịch vụ		
	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
PLO8: Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, biết đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, biết lập kế hoạch và điều phối thực hiện kế hoạch, biết phát huy trí tuệ tập thể.	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4

	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
PLO9: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1, TLM2, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM5, AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LKTE1022H	Luật kinh tế	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghiep vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM9
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
TMĐT0522H	Thương mại điện tử	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM8
TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

	thương mại, dịch vụ		
KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5, AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10,	AM1, AM4, AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8,	AM1, AM2, AM9

		TLM15	
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM9
BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
BORI1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM9
COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6

	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM6, TLM9, TLM10	AM1, AM9
PLO10: Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế..	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTMA0123H	Kế toán máy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5
	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM6
	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
PLO11: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương.	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	TLM1, TLM8, TLM9, TLM10,	AM1, AM5

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Kế toán

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	29	24,0
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	27	22,3
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	31	25,6
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,8
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5,8
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9,1
1.4.3	Pháp luật	2	1,7
1.4.4	Tin học	4	3,3
1.5	Kiến thức khác ngành	2	1,7
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	6,6
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6,6
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.2. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (29 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học Vĩ mô, kinh tế học Vi mô.
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về Luật kinh tế, marketing căn bản, nghiệp vụ bảo hiểm xã hội, pháp luật đại cương.

- Hệ thống kiến thức, vai trò, nguyên tắc cơ bản được áp dụng về nguyên lý thống kê, thống kê doanh nghiệp.
- Hệ thống những kiến thức cơ bản về tài chính, quản trị: Tài chính tiền tệ, quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính đơn vị sự nghiệp.

2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (27 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hiện đại như sau:

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Nguyên lý tiền lương, nguyên lý kế toán.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kế toán tài chính.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kế toán hành chính sự nghiệp.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kế toán quản trị, Phân tích báo cáo tài chính.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kiểm toán căn bản.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Thương mại điện tử.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kế toán thuế.

2.2.4. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (31 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức chuyên sâu và công cụ: Tổ chức kế toán, Kế toán máy, Tín dụng thanh toán, Thị trường chứng khoán.
- Kiến thức chuyên sâu về quản trị thông tin kế toán: Hệ thống thông tin kế toán
- Kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp: Kế toán quản trị, Kiểm soát nội bộ.
- Kiến thức chuyên sâu về kế toán quốc tế: Kế toán quốc tế.
- Kiến thức chuyên sâu về kế toán các loại hình doanh nghiệp đặc thù: Kế toán công ty cổ phần, Kế toán doanh nghiệp xây lắp, Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ.
- Kiến thức chuyên sâu về kế toán các đơn vị đặc thù: Kế toán ngân sách, Kế toán ngành BHXH, Kế toán ngành Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Ứng dụng các kiến thức vào học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

2.2.5. Kiến thức nền tảng rộng (24 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Tư duy toán học, có thể vận dụng các mô hình toán học thông dụng của xác suất – thống kê, toán cao cấp để đo lường, đánh giá, phân tích các đại lượng kinh tế.

- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội.

- Chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế nói chung và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh nói riêng.

- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày.

2.2.6. Kiến thức ngành gần, khác ngành (2 tín chỉ)

- Kiến thức cơ bản về tư duy logic, phương pháp nghiên cứu khoa học, hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: Soạn thảo văn bản.

- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào hoạt động quản trị và kinh doanh.

2.2.7. Kiến thức đại cương khác (8 tín chỉ):

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ.
- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao và quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất.

- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới

Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)										
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	29	24,0	M	H	M	M			M	M			M
2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	27	22,3		H	H	H	L	L	H	H	M	H	
3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	31	25,6		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,8	H	H		M	H	H	H			H	
5	Kiến thức khác ngành	2	1,7	M	L				H	H	H			
6	Kiến thức đại	8	6,6	H			H		M	M		M	H	H

	cường khác												
--	------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành Kế toán

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				29						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			25						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics Theory	2	2				TCC11122L TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.1.1.6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	Money and Finance	2	2					
1.1.1.7	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	Business Statistics	3	3				NLTK1322H	
1.1.1.8	NVBH0422H	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	Short - term social insurance	2	2					
1.1.1.9	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance Management	3	3					
1.1.1.10	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Financial Management in Public Sector	3	3				TCTT0122H NLK10122H	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						

1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometrics	2	2				ViMO0523H ViMO0523H TCB21222H TCC21122L XSTK1123L	
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	2	2					
1.1.2.3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	2					
1.1.2.4	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	Risk Management	2	2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				27						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			25						
1.2.1.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.2.1.2	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	Accounting Principles 2	2	2				NLK10122H	
1.2.1.3	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	3				NLK10122H	
1.2.1.4	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2	3	3				KTC10123H	
1.2.1.5	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	Accounting in Public Sector 1	3	3				NLK10122H	
1.2.1.6	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	Accounting in Public Sector 2	3	3				KTH10123H	
1.2.1.7	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	Principles of auditing	3	3				KTC20123H	
1.2.1.8	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	3				TCDN0123H KTC20123H	
1.2.1.9	KTTE0123H	Kế toán thuế	Tax Accounting	3	3				KTC20123H NLK20122H	
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)			2						
1.2.2.1	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles	2	2					

1.2.2.2	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	E-commerce	2	2				TCB21222H	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				31						
1.3.1	Các học phần bắt buộc			17						
1.3.1.1	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	Accounting structure	3	3				KTC20123H	
1.3.1.2	KTQT0123H	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3				NLK10122H	
1.3.1.3	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	International Accounting	3	3				NLK10122H	
1.3.1.4	KTMA0123H	Kế toán máy	Computerized Accounting	3	3				KTC20123H	
1.3.1.5	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information Systems	3	3				KTC20123H	
1.3.1.6	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	Internal control	2	2				KTC20123H	
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 2/8)			4						
1.3.2.1	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	Accounting for Joint stock companies	2	2				KTC20123H	
1.3.2.2	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	Accounting for Construction enterprises	2	2				KTC20123H	
1.3.2.3	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	Accounting for Trading and Service enterprises	2	2				KTC20123H	
1.3.2.4	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	Budget Accounting	2	2				KTH20123H	
1.3.2.5	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	Stock Market	2	2				ViMO0523H ViMO0523H	
1.3.2.6	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	Business combinations accounting	2	2				KTC20123H	
1.3.2.7	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	Credit and Settlement	2	2					
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4	KTC20123H	

									KTH20123H KTQT0123H	
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						
1.3.4.1	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	Management Control Systems	3	3				KTQT0123H	
1.3.4.2	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	Audit of financial statements	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6		KTC20123H KTH20123H KTQT0123H	
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				24						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				7						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 2	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					

1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2				
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2				
1.4.3 Pháp luật				2					
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2				
1.4.4 Tin học				4					
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2				
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2				
1.5 Kiến thức khác ngành				2					
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2					
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2	2				
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Scientific research methodology	2	2				
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic	2	2				
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General psychology	2	2				
1.6 Kiến thức đại cương khác				8					
1.6.1 Ngoại ngữ				8					
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2				
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3			TAC10622H	
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	English for Accounting	3	3				
1.6.2. Giáo dục thể chất				3					
	<i>Các học phần bắt buộc</i>								
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1		1			

	Các học phần tự chọn (chọn 2/6)									
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1		1				
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1		1				
1.6.2.4	BORI1421T	Bóng rổ 1	Basket ball 1	1		1				
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basket ball 2	1		1				
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1		1				
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1		1				
	Các học phần dành cho sinh viên có vấn đề về sức khỏe									
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	Chess 1	1		1				
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	Chess 2	1		1				
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	Chess 3	1		1				
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	Quân sự chung	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2		2				
Tổng cộng				121						

2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs										
			Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ, chịu trách nhiệm		Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành													
1.1.1	Các học phần bắt buộc												
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	ITU	ITU			ITU	ITU			I		
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	ITU	ITU			TU	TU			I		
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	ITU	ITU			ITU	ITU		ITU	TU		
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	ITU	ITU			TU	TU		TU	U		
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	TU	TU			TU	TU			U		
1.1.1.6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ		ITU	ITU		TU	TU	ITU	TU	IU	IU	
1.1.1.7	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	ITU	ITU			ITU	ITU	ITU	ITU	TU		
1.1.1.8	NVBH0422H	Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội	ITU	ITU			TU	TU	TU		IU		

1.1.1.9	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp		ITU	ITU		TU	TU	ITU	TU	IU	IU	
1.1.1.10	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp		ITU	ITU		TU	TU	ITU	TU	IU	IU	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)												
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	IT	ITU			ITU	ITU	ITU	ITU	U		
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	IT	IT			TU	TU			TU		
1.1.2.3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	ITU				ITU	ITU		ITU	ITU		
1.1.2.4	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	TU	TU			U	U	U	U	TU		
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi													
1.2.1	Các học phần bắt buộc												
1.2.1.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	
1.2.1.2	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.2.1.3	KTC10123H	Kế toán tài chính 1		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.2.1.4	KTC20123H	Kế toán tài chính 2		IT	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	ITU	ITU	
1.2.1.5	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.2.1.6	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.2.1.7	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	
1.2.1.8	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	

1.2.1.9	KTTE0123H	Kế toán thuế		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)												
1.2.2.1	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	IT	IT			ITU	ITU	ITU		TU		
1.2.2.2	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	IT	TU			TU	TU	TU	TU	TU		
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ													
1.3.1	Các học phần bắt buộc												
1.3.1.1	TCKT0123H	Tổ chức kế toán		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.1.2	KTQT0123H	Kế toán quản trị		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.1.3	KQTE0123H	Kế toán quốc tế		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.1.4	KTMA0123H	Kế toán máy		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.1.5	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.1.6	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 2/8)												
1.3.2.1	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.2.2	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp		IT	TU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	ITU	
1.3.2.3	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.2.4	KTNS0122H	Kế toán ngân sách		ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.2.5	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	ITU	ITU	
1.3.2.6	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.2.7	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	

1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	ITU	ITU	U
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)												
1.3.4.1	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	
1.3.4.2	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	TU	
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	ITU	ITU	U
1.4 Kiến thức nền tảng rộng													
1.4.1 Khoa học tự nhiên													
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	IT	IT			TU	TU		TU	U		
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	IT	ITU			TU	TU		TU	U		
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	IT	IT			ITU	U		TU	U		
1.4.2 Khoa học chính trị													
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	IT	IT			TU	TU		TU	TU		
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	IT	IT			TU	TU		TU	U		
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	IT	IT			TU	TU		TU	TU		
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	IT	IT			TU	TU		TU	TU		
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	IT	IT			TU	TU		TU	TU		
1.4.3 Pháp luật													
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	IT	IT			TU	TU		TU	U		

1.4.4 Tin học													
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	ITU	ITU			TU	TU		TU	U		
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	ITU	ITU			TU	TU		TU	U		
1.5 Kiến thức khác ngành													
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)												
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	ITU	ITU			TU	TU		TU	U		
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	ITU	ITU			TU	TU		TU	ITU		
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	ITU	ITU			ITU	ITU		TU	ITU		
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	ITU	ITU			TU	TU		TU	TU		
1.6 Kiến thức đại cương khác													
1.6.1 Ngoại ngữ													
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	IT	IT			TU	TU		TU	U		TU
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	IT	IT			TU	TU		TU	U		TU
1.6.1.3	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	IT	IT	TU		TU	TU		TU	U		TU
1.6.2. Giáo dục thể chất													
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	IT				TU	TU			U		
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	ITU				ITU	ITU			U		
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	ITU				ITU	ITU			U		
1.6.2.4	BORI1421T	Bóng rổ 1	ITU				ITU	ITU			U		
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	ITU				ITU	ITU			U		

1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	IT				ITU	ITU			U		
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	IT				ITU	ITU			U		
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	IT				TU	TU			U		
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	IT				TU	TU			U		
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	IT				TU	TU			U		
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)													
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TU				U	U			TU		
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TU				U	U			TU		
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	TU				U	U			TU		
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TU				U	U			TU		

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, U - Utilize

2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs														
			I. Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tu duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học
			TLM1	TLM2	TLM3	TLM4	TLM5	TLM6	TLM7	TLM8	TLM9	TLM10	TLM11	TLM12	TL M13	TLM14	TLM15
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành																	
1.1.1	Các học phần bắt buộc																
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	X	X						X						X	
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	X	X						X	X					X	
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	X	X		X			X	X						X	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế		X					X		X	X					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	X	X					X	X						X	
1.1.1.6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	X	X		X										X	
1.1.1.7	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp		X		X			X	X	X	X				X	
1.1.1.8	NVBH0422H	Nghệ vụ bảo hiểm xã hội	X	X		X										X	
1.1.1.9	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	X	X		X										X	
1.1.1.10	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	X	X		X										X	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)																

1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	X	X		X			X	X	X	X					X
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp		X		X			X	X	X	X					X
1.1.2.3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	X	X		X			X								X
1.1.2.4	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	X	X		X			X	X							X
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi																	
1.2.1	Các học phần bắt buộc																
1.2.1.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	X	X		X											X
1.2.1.2	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	X	X		X											X
1.2.1.3	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	X	X		X											X
1.2.1.4	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	X	X		X			X								X
1.2.1.5	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	X	X		X											X
1.2.1.6	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	X	X		X											X
1.2.1.7	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	X	X		X											X
1.2.1.8	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	X	X		X							X				X
1.2.1.9	KTTE0123H	Kế toán thuế	X	X		X											X
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)																
1.2.2.1	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	X	X		X			X	X							X
1.2.2.2	TMĐT0522H	Thương mại điện tử		X		X			X	X	X	X					X
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ																	
1.3.1	Các học phần bắt buộc																

1.3.1.1	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	X	X		X			X								X
1.3.1.2	KTQT0123H	Kế toán quản trị	X	X		X											X
1.3.1.3	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	X	X		X			X								X
1.3.1.4	KTMA0123H	Kế toán máy	X	X		X											X
1.3.1.5	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	X	X		X			X								X
1.3.1.6	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	X	X		X											X
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 2/8)																
1.3.2.1	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	X	X		X			X								X
1.3.2.2	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	X	X		X			X	X	X						X
1.3.2.3	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	X	X		X											X
1.3.2.4	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	X	X		X											X
1.3.2.5	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	X	X		X											X
1.3.2.6	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	X	X		X			X								X
1.3.2.7	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	X	X		X											X
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	X					X					X				X
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)																
1.3.4.1	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	X	X		X											X
1.3.4.2	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	X	X		X											X
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	X					X					X				X
1.4 Kiến thức nền tảng rộng																	

1.4.1 Khoa học tự nhiên																	
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	X	X		X			X	X		X					X
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	X	X		X			X	X		X					X
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2 Khoa học chính trị																	
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X		X			X			X					X
1.4.3 Pháp luật																	
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		X					X		X	X					
1.4.4 Tin học																	
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	X	X		X			X	X							X
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	X	X		X			X	X							X
1.5 Kiến thức khác ngành																	
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)																
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	X	X		X			X	X	X	X					X
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		X		X			X			X		X			X
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	X	X		X											X
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	X	X		X			X								X

1.6 Kiến thức đại cương khác																
1.6.1 Ngoại ngữ																
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	X							X	X	X				
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	X							X	X	X				
1.6.1.3	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	X							X	X	X				
1.6.2. Giáo dục thể chất																
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	X			X			X	X	X	X				X
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.4	BORI1421T	Bóng rổ 1	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	X	X		X			X	X	X	X				X
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	X	X		X			X	X	X	X				X
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	X	X		X			X	X	X	X				X
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)																
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	X	X		X			X							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	X	X		X			X							
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	X	X				X	X	X		X				
1.6.3.4	KTCĐ1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	X	X				X			X	X				

2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành												
1.1.1	Các học phần bắt buộc											
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	x	x		x	x					
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	x	x			x			x		
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	x	x		x						
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật kinh tế	x			x	x					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	x	x		x	x					
1.1.1.6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	x	x		x	x					
1.1.1.7	TKDN1323H	Thống kê doanh nghiệp	x	x		x						
1.1.1.8	NVBH0422H	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	x	x		x	x					
1.1.1.9	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	x	x		x	x					
1.1.1.10	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	x	x		x	x					
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)											
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	x	x	x	x					x	

1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	x	x	x	x	x			x		
1.1.2.3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	x	x	x	x			x	x		
1.1.2.4	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	x	x	x	x						
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi												
1.2.1	Các học phần bắt buộc											
1.2.1.1	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	x	x		x	x					
1.2.1.2	NLK20122H	Nguyên lý kế toán 2	x	x		x	x					
1.2.1.3	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	x	x		x	x					
1.2.1.4	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	x	x		x	x					
1.2.1.5	KTH10123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	x	x		x	x					
1.2.1.6	KTH20123H	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	x	x		x	x					
1.2.1.7	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	x	x		x	x					
1.2.1.8	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	x	x		x	x					
1.2.1.9	KTTE0123H	Kế toán thuế	x	x		x	x					
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/2)											
1.2.2.1	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	x	x		x						
1.2.2.2	TMĐT0522H	Thương mại điện tử	x	x	x		x			x		
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ												
1.3.1	Các học phần bắt buộc											

1.3.1.1	TCKT0123H	Tổ chức kế toán	x	x		x	x					
1.3.1.2	KTQT0123H	Kế toán quản trị	x	x		x	x					
1.3.1.3	KQTE0123H	Kế toán quốc tế	x	x		x	x					
1.3.1.4	KTMA0123H	Kế toán máy	x	x		x					x	
1.3.1.5	TTKT0123H	Hệ thống thông tin kế toán	x	x		x	x					
1.3.1.6	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	x	x		x	x					
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 2/8)											
1.3.2.1	KTCP0122H	Kế toán công ty cổ phần	x	x		x	x					
1.3.2.2	KTXL0122H	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	x	x	x	x	x					
1.3.2.3	KTDV0122H	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	x	x		x	x					
1.3.2.4	KTNS0122H	Kế toán ngân sách	x	x		x	x					
1.3.2.5	TTCK0122H	Thị trường chứng khoán	x	x		x	x					
1.3.2.6	KTHN0122H	Kế toán hợp nhất kinh doanh	x	x		x	x					
1.3.2.7	TDTT0122H	Tín dụng và thanh toán	x	x				x				
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	x									x
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)											
1.3.4.1	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp										x

1.3.4.2	KSQT0123H	Hệ thống kiểm soát quản trị	x	x		x			x			
1.3.4.3	KTTC0123H	Kiểm toán báo cáo tài chính	x	x		x	x					
1.4 Kiến thức nền tảng rộng												
1.4.1 Khoa học tự nhiên												
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	x	x		x				x		
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	x	x		x	x			x		
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x		x	x			x		
1.4.2 Khoa học chính trị												
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	x	x		x			x			
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x			x			
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	x	x	x	x			x			
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x	x	x					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x			x			
1.4.3 Pháp luật												
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	x			x	x					
1.4.4 Tin học												
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	x	x							x	
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	x	x							x	

1.5 Kiến thức khác ngành												
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)											
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	x	x		x						
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x	x		x			x			
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	x	x		x						
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	x	x	x	x	x			x		
1.6 Kiến thức đại cương khác												
1.6.1 Ngoại ngữ												
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	x				x					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	x				x					
1.6.1.3	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	x				x					
1.6.2. Giáo dục thể chất												
1.6.2.1	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	x	x							x	
1.6.2.2	BOC21421T	Bóng chuyền 2	x	x							x	
1.6.2.3	BORI1421T	Bóng rổ 1	x	x							x	
1.6.2.4	BOR21421T	Bóng rổ 2	x	x	x						x	
1.6.2.5	COV11421T	Cờ vua 1	x	x	x			x				
1.6.2.6	COV21421T	Cờ vua 2	x	x	x			x				
1.6.2.7	COV31421T	Cờ vua 3	x	x	x			x				
1.6.2.8	CLO11421T	Cầu lông 1	x	x							x	

1.6.2.9	CLO21421T	Cầu lông 2	x	x							x	
1.6.2.10	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	x	x	x						x	
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)												
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	x				x					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	x				x					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	x				x					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x								x	

2.7. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.7 Sơ đồ tiến trình đào tạo

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN														
Học kỳ I	Kinh tế vĩ mô (3TC)		Toán cao cấp 1 (2TC)		Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2TC)		Pháp luật đại cương (2TC)		Tin học cơ bản 1 (2TC)		Tiếng Anh cơ bản 1 (2TC)	
Học kỳ II	Kinh tế vĩ mô (3TC)		Luật kinh tế (2TC)		Toán cao cấp 2 (2TC)		Triết học Mác-Lênin(3TC)		Tin học cơ bản 2 (2TC)		Tiếng Anh cơ bản 2 (3TC)			
Học kỳ III	Nguyên lý thống kê (2TC)	Marketing căn bản (2TC)	Tài chính – Tiền tệ (2TC)	Nguyên lý kế toán 1 (2TC)	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3TC)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2TC)	Soạn thảo văn bản	Phương pháp nghiên cứu khoa học		Logic học		Tâm lý học đại cương		
								Học phần tự chọn: Chọn 1/4 (2TC)						
Học kỳ IV	Quản trị tài chính doanh nghiệp (3TC)		Nguyên lý kế toán 2 (2TC)	Kế toán tài chính 1 (3TC)	Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2TC)	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán (3TC)	Kinh tế lượng	Văn hóa doanh nghiệp		Kỹ năng giao tiếp		Quản trị rủi ro		
								Học phần tự chọn: Chọn 2/4 (Tổng: 4TC)						
Học kỳ V	Thống kê doanh nghiệp (3TC)			Kế toán tài chính 2 (3TC)		Kế toán Hành chính sự nghiệp 1 (3TC)		Kế toán quản trị (3TC)		Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp (3TC)				
Học kỳ VI	Kiểm toán căn bản (3TC)		Kế toán thuế (3TC)		Tổ chức kế toán (3TC)		Kế toán quốc tế (3TC)		Hệ thống thông tin kế toán (3TC)		Kế toán Hành chính sự nghiệp 2 (3TC)			
Học kỳ VII	Nghệ nghiệp vụ bảo hiểm xã hội (2TC)	Phân tích báo cáo tài chính (3TC)	Kế toán máy (3TC)	Kiểm soát nội bộ (2TC)	Nguyên lý tiền lương	Thương mại điện tử	Kế toán công ty cổ phần	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	Kế toán ngân sách	Thị trường chứng khoán	Kế toán hợp nhất kinh doanh	Tin dụng và thanh toán	
					Học phần tự chọn: Chọn 1/2 (2TC)		Học phần tự chọn: Chọn 2/7 (Tổng: 4TC)							
Học kỳ VIII	Thực tập cuối khóa (4TC)		Khóa luận tốt nghiệp (6TC)			Các học phần thay thế KLTN								
						Hệ thống kiểm soát quản trị (3TC)				Kiểm toán báo cáo tài chính (3TC)				

2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung của học phần đi sâu vào những vấn đề cơ bản của thị trường như cung- cầu, độ co giãn, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận) và cấu trúc thị trường.

2. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại...

3. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản sau: Những vấn đề chung về Thống kê học; Điều tra Thống kê; Điều tra chọn mẫu; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích Hồi quy và Tương quan; Phương pháp phân tích Dãy số thời gian; Chỉ số.

4. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Marketing căn bản là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức học phần sinh viên có thể phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường. Học phần còn giúp cho người học nắm bắt được 4 công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp (Marketing - mix): Chính sách sản phẩm (Product), Chính sách giá (Price), Chính sách phân phối (Place) và Chính sách Xúc tiến hỗn hợp (Promotion).

6. Tài chính - tiền tệ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại

7. Thống kê doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Những vấn đề cơ bản của thống kê doanh nghiệp; Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Thống kê lao động, năng suất lao động và thu nhập lao động; Thống kê Tài sản trong doanh nghiệp; Thống kê giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp; Thống kê hoạt động tài chính trong doanh nghiệp; Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Khái quát về bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

9. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị nguồn tài trợ ngắn hạn; Quản trị tài sản dài hạn; Nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

10. Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tổng quan về tài chính công và tài chính của đơn vị hành chính - sự nghiệp; Lập dự toán trong đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quản trị tài chính trong các đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quyết toán nguồn kinh phí NSNN.

11. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế

12. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp, các biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong kinh doanh, đạo đức kinh doanh, xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

13. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng nền tảng về giao tiếp để các em hiểu và bước đầu áp dụng những kỹ năng đó vào hoạt động giao tiếp hàng ngày một cách hiệu quả. Đó là các kiến thức và các hướng dẫn thực hiện về tự nhìn nhận đánh giá bản thân, nhìn nhận những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp, các cơ chế ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp và đặc biệt là một số kỹ năng giao tiếp để hoạt động giao tiếp trong cuộc sống cũng như trong công việc của các em sinh viên đạt hiệu quả

14. Quản trị rủi ro

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát về rủi ro và một số khái niệm có liên quan; quy trình quản trị rủi ro và các bước cần làm cho quy trình đó; các biện pháp để nhận dạng và đo lường rủi ro; các phương pháp phân tích tổn thất tiềm năng về tài sản, con người và trách nhiệm dân sự; các biện pháp để đối phó với rủi ro bao gồm kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro

15. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này mô tả những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Bước đầu nghiên cứu kế toán các hoạt động kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.

16. Nguyên lý kế toán 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và việc vận dụng các nguyên tắc này; Các kiến thức về tính giá và đo lường công nợ, các nguyên tắc trong hạch toán hàng tồn kho, nợ ngắn hạn và tài sản dài hạn

17. Kế toán tài chính 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán tài chính, gắn với hoạt động: vai trò và nhiệm vụ của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kiến thức chuyên sâu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

18. Kế toán tài chính 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; Kế toán phân phối lợi nhuận; Kế toán tài sản bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán các khoản nợ phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Lập và trình bày báo cáo tài chính.

19. Kế toán hành chính sự nghiệp 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán hành chính sự nghiệp: tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp, nhiệm vụ và nội dung của kế toán, các quy định về chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và hình thức kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định; kế toán thanh toán, kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng kho bạc.

20. Kế toán hành chính sự nghiệp 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp: Kế toán doanh thu, chi phí các hoạt động; Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động; Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán; Kế toán ngành Lao động Thương binh xã hội, kế toán bảo hiểm xã hội.

21. Kiểm toán căn bản

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kiểm toán, những hướng dẫn cụ thể quy trình và các bước để thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại đơn vị được kiểm toán.

22. Phân tích báo cáo tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời.

23. Kế toán thuế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán thuế: vai trò và nhiệm vụ của kế toán thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, kế toán thuế xuất nhập khẩu, kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, kế toán thuế giá trị gia tăng, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán thu nhập cá nhân và các sắc thuế khác.

24. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần nguyên lý tiền lương trang bị những kiến thức cơ bản về tiền lương, tiền lương tối thiểu, lương cơ bản, phụ cấp lương, và các hình thức trả lương.

25. Thương mại điện tử

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Thương mại điện tử. Học phần này bao gồm các nội dung như: khái niệm, vai trò và lịch sử phát triển của TMĐT, các cơ sở hạ tầng thiết yếu của TMĐT, các phương thức kinh doanh TMĐT, giao dịch điện tử, marketing điện tử; các vấn đề an ninh và phòng tránh rủi ro trong TMĐT. Phương pháp học tập, nghiên cứu chủ yếu của môn học này là phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp toán, phương pháp nghiên cứu, thảo luận và giải quyết các tình huống.

26. Tổ chức kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Khái quát chung về tổ chức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán; Lựa chọn hình thức sổ kế toán; Tổ chức kế toán TSCĐ; Tổ chức kế toán hàng tồn kho; Tổ chức kế toán chi phí nhân công và các khoản thanh toán với người lao động; Tổ chức kế toán quá trình sản xuất; Tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Tổ chức kế toán tiền và quy trình kiểm soát nội bộ tiền mặt; Tổ chức các hoạt động kế toán khác trong doanh nghiệp.

27. Kế toán quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định.

28. Kế toán quốc tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên có cái nhìn toàn cảnh về một chu trình kế toán hoàn thiện trong doanh nghiệp theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, từ chứng từ, tài khoản, phương pháp hạch toán đến báo cáo kế toán; Học phần tập trung chủ yếu vào báo cáo tài chính, các phần hành kế toán hàng tồn kho, tài sản dài hạn, doanh thu, tiền, phải thu, phải trả.

29. Kế toán máy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phần mềm kế toán; Khai báo các tham số và sổ dư đầu kỳ; Kế toán mua hàng, bán hàng; Kế toán hàng tồn kho, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Kế toán tiền lương, tài sản cố định, giá thành; Kế toán tổng hợp và xác định kết quả kinh doanh.

30. Hệ thống thông tin kế toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; Xử lý các giao dịch và các công cụ mô tả hệ thống; Đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ; Các vấn đề về hệ thống thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh chủ yếu; Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

31. Kiểm soát nội bộ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kiểm soát nội bộ; Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; Khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO; Kiểm soát nội bộ đối với các tài sản và các chu trình kinh doanh chủ yếu trong các doanh nghiệp.

32. Kế toán công ty cổ phần

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về kế toán công ty cổ phần: Kế toán thành lập công ty cổ phần; Kế toán biến động vốn trong công ty cổ phần; Kế toán chia cổ tức trong công ty cổ phần; Kế toán giải thể và tổ chức lại công ty cổ phần

33. Kế toán doanh nghiệp xây lắp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp xây lắp: đặc điểm hoạt động và doanh nghiệp xây lắp, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán áp dụng trong doanh nghiệp xây lắp, nội dung, yêu cầu nhiệm vụ của kế toán, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.

34. Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp, tính giá hàng hóa nhập xuất kho, phương pháp kế toán mua hàng, bán hàng trong các doanh nghiệp thương mại nội địa; phương pháp kế toán xuất nhập khẩu trực tiếp, ủy thác; kế toán tập hợp chi phí, doanh thu, xác định kết quả trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ.

35. Kế toán ngân sách

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán ngân sách, gắn với đặc điểm hoạt động: vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kế toán ngân sách; kế toán dự toán, kế toán thu ngân sách và ghi thu ghi chi, kế toán chi ngân sách và cân đối thu chi; kế toán các nghiệp vụ khác, báo cáo tài chính.

36. Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán.

37. Kế toán hợp nhất kinh doanh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về tập đoàn kinh tế như lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm và các loại tập đoàn kinh tế, kiến thức về báo cáo tài chính hợp nhất (khái niệm, nội dung, ý nghĩa, nguyên tắc và trình tự lập báo cáo tài chính hợp nhất). Kiến thức cơ bản về hợp nhất kinh doanh như phương pháp kế toán hợp

nhất kinh doanh, quy trình hợp nhất kinh doanh theo các chuẩn mực Việt Nam và quốc tế.

38. Tín dụng và thanh toán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này đề cập đầy đủ về quy trình cấp tín dụng cho khách hàng, nghiệp vụ bảo đảm tín dụng và nội dung phân tích tín dụng; quy trình thanh toán các phương tiện, phương thức thanh toán trong nước và quốc tế.

39. Thực tập cuối khóa:

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần này giúp người học tham gia vào hoạt động thực tế của ngành Kế toán nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp. Đồng thời vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học để mô tả hoạt động thực tế tại đơn vị thực tập dưới hình thức Báo cáo thực tập cuối khóa.

40. Khóa luận tốt nghiệp:

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Kế toán. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

41. Hệ thống kiểm soát quản trị

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Giới thiệu tổng quát về HTKSQT; Các nội dung thực hiện kiểm soát quản trị từ xây dựng chiến lược, hành vi tổ chức, hệ thống kế toán trách nhiệm, đo lường, phân tích, đánh giá...

42. Kiểm toán báo cáo tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiểm toán tiền; Kiểm toán nợ phải thu; Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán; Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí.

43. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Học phần cũng cung cấp cách tính

định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con $\mathbb{R}^n$;

44. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

45. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về học phần lý thuyết xác suất thống kê nhằm rèn luyện cho người học khả năng tư duy logic, khả năng phân tích, khả năng tính toán định lượng cũng như trang bị cho người học các công cụ, các kỹ năng tính toán phục vụ cho việc học các học phần cơ sở, chuyên ngành.

46. Triết học Mác – Lênin

Số tín chỉ: 03

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

47. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Số tín chỉ: 02

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và

các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

48. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

49. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

50. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02

Nội dung học phần: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 7 chương, trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

51. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm

pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam; Pháp chế xã hội chủ nghĩa; pháp luật về phòng chống tham nhũng.

52. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc tương đương.

53. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở dữ liệu (Database), cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

54. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng; Những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; Khái niệm, đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt và một số loại văn bản hành chính thông thường.

55. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 8 chương, trình bày những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học, nhất là bài báo khoa học và khóa luận tốt nghiệp; Cách tổ chức thực hiện đề tài và đánh giá đề tài; Đạo đức khoa học; Đánh giá nghiên cứu khoa học.

56. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần Logic học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của Trường đại học Lao động - Xã hội gồm 06 chương, trình bày những kiến thức cơ bản của môn Logic học, trong đó cung cấp những kiến thức sau: đối tượng và ý nghĩa của Logic học, khái niệm, phán đoán, Những quy luật cơ bản của Logic hình thức, suy luận, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết nhằm rèn luyện và hình thành cho sinh viên thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học từ đó định hướng hoạt động thực tiễn.

57. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

58. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

59. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

60. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ tiếng Anh trong ngành Kế toán như: lĩnh vực kế toán, các nguyên lý kế toán, sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính, tài khoản ngân hàng, kiểm toán

61. Thể dục điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về:

- Bài tập phát triển chung 13 động tác.
- Kỹ thuật nhảy cao kiểu up bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

62. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

63. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

64. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

65. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

66. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

67. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

68. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

- Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua.

- Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

69. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

- Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1
- Giai đoạn khai cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

70. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

- Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1
- Giai đoạn trung cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

71. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

72. Công tác quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

73. Quân sự chung

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

74. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới.

2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

2.1.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Kế toán, Nhà trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- **Các chương trình trong nước:**

- Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành Kế toán, Trường Đại Kinh tế quốc dân

- Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành Kế toán, Trường Đại học Kinh tế TP HCM.

- **Các chương trình nước ngoài**

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán, Đại học Công nghệ Swinburne, Australia.

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán, Đại học New York Albany, Mỹ.

2.1.2. So sánh các chương trình đào tạo

Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
Trường ĐH Kinh tế	Cấu trúc	Số lượng tín chỉ: 123 TC (không bao	Số lượng tín chỉ: 121 TC	Chương trình của trường ít

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
quốc dân		gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 44 TC Kiến thức giáo dục chuyên ngành bao gồm: Cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ: 79 TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở ngành: 9 - Kiến thức chuyên ngành: 45 - Kiến thức chuyên sâu và bổ trợ: 15 - Thực tập và TN: 10TC	(không bao gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 40 TC Kiến thức giáo dục chuyên ngành bao gồm: Cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ: 81TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở ngành: 25 - Kiến thức chuyên ngành: 33 - Kiến thức chuyên sâu và bổ trợ: 26 - Thực tập và TN: 10TC	hơn 2 TC. Số lượng tín chỉ ít hơn tập trung vào nhóm bổ trợ nên về cơ bản là tương đồng.
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác:	Có các học phần khác:	Về cơ bản, số học phần

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
		Quản trị quá trình kinh doanh Quản trị hậu cần Quản trị đa văn hóa Quản trị văn phòng Kiểm soát Đổi mới và sáng tạo Tiêu chuẩn hóa Tái lập doanh nghiệp	Kinh tế lượng Kinh tế phát triển Logistics Phần mềm QTKD Thương mại điện tử Quản trị rủi ro kinh doanh	giống nhau của hai chương trình chiếm từ 80- 85% trong hai phần kiến thức đại cương và chuyên ngành. Tuy nhiên chương trình tham khảo có nhiều môn hơn nhưng nằm chủ yếu ở phần tự chọn.
Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Cấu trúc	125 TC (không bao gồm GDTC và GDQP) 45TC giáo dục đại cương 3TC về kỹ năng	Số lượng tín chỉ: 121 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) Giáo dục đại cương: 40 TC Kiến thức giáo dục chuyên	Chương trình của trường ít hơn 4TC. Số lượng tín chỉ ít hơn tập trung vào nhóm ngoại ngữ và các học phần tự chọn tự do

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
		mềm và 1TC về khởi nghiệp , Kiến thức giáo dục 1 chuyên ngành 67TC, bao gồm: - Kiến thức ngành: 27TC - Kiến thức chuyên ngành: 40TC Thực tập và tốt nghiệp: 10TC '	ngành bao gồm: Cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ: 81TC Cụ thể: - Kiến thức cơ sở ngành: 25 - Kiến thức chuyên ngành: 33 - Kiến thức chuyên sâu và bổ trợ: 26 Thực tập và TN: 10TC	nên về cơ bản là tương đồng.
	Nội dung	Về tên gọi các môn học khác biệt: Hệ thống thuế VN Kế toán quốc tế 1,2 Kiểm toán hoạt động Sản phẩm phái sinh Ngân hàng thương mại	Các học phần có tên khác: Luật kinh tế Hệ thống kiểm soát quản trị Tín dụng và thanh toán Quản trị tài	Trừ những học phần của trường tham khảo bổ sung về ngoại ngữ và các học phần bổ trợ thì số học phần giống

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
		Phân tích dữ liệu Quản trị rủi ro DN Tài chính định lượng Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS	chính đơn vị sự nghiệp	nhau của hai chương trình chiếm từ 85-90% trong hai phần kiến thức đại cương và chuyên ngành. Số lượng môn của chương trình tham khảo có nhiều môn hơn tập trung ở phần ngoại ngữ và kiến thức bổ trợ.

Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài

Chương trình	Tương thích về cấu trúc và	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ giống nhau
Trường Đại học Công Swinburne,	Cấu trúc	13 môn giáo dục đại cương Kiến thức chuyên	18 môn giáo dục đại cương Kiến thức chuyên	Nhiều hơn 5 môn ít hơn 5 môn

Australia.		ngành gồm 24 môn được chia làm hai nhóm kiến thức: kiến thức cốt lõi về kinh tế và kiến thức cốt lõi về kế toán	ngành gồm 19 môn học chuyên ngành sâu Kế toán.	
	Nội dung	Về những môn học khác biệt: Thống kê kinh doanh Marketing Hành vi tổ chức Truyền thông doanh nghiệp Đạo đức kinh doanh Quản trị chiến lược	Kế toán quốc tế Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ Thanh toán quốc tế	Nhìn chung các môn thuộc chuyên ngành giống nhau 70%. Do chương trình tham khảo không dựa phần nhiều vào phần kiến thức cốt lõi về kinh tế
Trường Đại học New York	Cấu trúc	14 môn giáo dục đại cương Kiến thức chuyên ngành gồm 12 môn	14 môn giáo dục đại cương Kiến thức chuyên ngành gồm 19 môn học và 4 môn học chuyên ngành sâu Kế toán	Giống nhau về kết cấu Số môn chuyên ngành nhiều hơn 11 môn
	Nội dung	về những môn học khác biệt: Kế toán chi phí	Kiểm toán cân bản Kiểm toán tài chính Kế toán quốc tế Kế toán quản trị chi phí	Kiến thức chuyên ngành
				giống 90% nhưng ít hơn về số môn và không trang bị cho sinh viên những kiến thức về kiểm

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trưởng khoa Kế toán, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhập mỗi năm (chính sách tuyển sinh, tài liệu học tập, cải tiến phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá) và rà 02 năm một lần (điều chỉnh thay đổi số lượng tín chỉ, thêm hoặc bớt học phần) để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng